

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/11

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

Phần 1. Nhận dạng hoá chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	CFC Supplement (2.0L)
Số Danh Mục	NCM4023-2.0

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hoá chất phòng thí nghiệm; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm;
Hình thù	Được thiết kế để sử dụng trong phần tích thông thường, bao gồm kiểm soát và giám sát chất lượng. Chỉ sử dụng trong ống nghiệm.

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

1.4 Điện thoại khẩn cấp

	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoa Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

Thông tin khác

	Sản xuất bởi: Neogen Corporation Unit 7 Brookfield Business Park Muir Road Liverpool, L9 7AR, UK. Neogen Corporation 1 Quest Park-Moss Hall Road Heywood Lancashire BL97JJ UK. Neogen Corporation 740 East Shilohssee Lansing, MI 48912 U.S.A.
--	--

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

CFC Supplement (2.0L)


Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Acute Tox. 4: H302; Skin Irrit. 2: H315; Skin Sens. 1: H317; Eye Dám. 1: H318; Resp. Sens. 1: H334; STOT RE 2: H373;
------------------------------------	--

2.2 Các yếu tố nhân

Hình đồ cảnh báo nguy cơ	
Lời cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt. Skin Irrit. 2: H315 - Gây kích ứng da. Skin Sens. 1: H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. Eye Dám. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng. Resp. Sens. 1: H334 - Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít. STOT RE 2: H373 - Có thể gây thiệt hại cho cơ quan kéo dài hoặc tiếp xúc lặp đi lặp lại.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	P260 - Không được hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun P261 - Tránh hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun. P264 - Rửa thật kỹ sâu khì xử lý. P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khì sử dụng sản phẩm này. P272 - Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt. P284 - [Trong trường hợp thông gió không đầy đủ] mặc bảo vệ hô hấp.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	P301+P312 - Nếu NUỐT: Gọi một trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. P302+P352 - Nếu ON DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. P305+P351+P338 - Nếu VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng với àter trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa. P310 - Ngay lập tức gọi trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ. P314 - Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe. P321 - Điều trị cụ thể (xem trên nhãn này). P330 - Súc miệng. P332+P313 - Nếu bị kích ứng da xảy ra: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý. P333+P313 - Nếu bị kích ứng da xảy ra: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý. P342+P311 - Nếu có các triệu chứng hô hấp: Gọi một trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ.
Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	P501 - Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia.

2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Chú ý các tài liệu có thể có hại nếu nuốt phải. Chú ý chất gây nguy hiểm cho môi trường.
-----------------------------	--

Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.
--	--

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.2 Hỗn hợp

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

3.2 Hỗn hợp

EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Cephălothìn, sodiđm sắt		58-71-9	200-394-6		60 - 70%	Skin Sens. 1: H317; Resp. Sens. 1: H334;
Myristyltrimethylammonium bromide		1119-97-7	214-291-9		10 - 20%	Acute Tox. 4: H302; Skin Irrit. 2: H315; Eye Dâm. 1: H318; STOT SE 3: H335; STOT RE 2: H373; Aquatic Acute 1: H400;
Fucidin		751-94-0	212-030-3		10 - 20%	Acute Tox. 4: H302;

Hình thề

Nồng độ đợc liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.

Thông tin khác

Toàn văn Tuyên bố về mối nguy đợc liệt kê trong Phần này đợc cung cấp trong Phần 16.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sâu khđ hít phải:	Đi chuyền người tiếp xúc với không khí trong lành. Chăm sóc y tế ngay lập tức khđ đợc yêu cầu. Nếu bất tỉnh, kiểm tra nhịp thở và áp dụng hô hấp nhân tạo nếu cần thiết. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxi. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo.
Sâu khđ tiếp xúc với mắt	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Giữ mắt mở và rửa từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15-20 phút. Kính áp tròng nên đợc loại bỏ. Chăm sóc y tế ngay lập tức khđ đợc yêu cầu.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Sâu khđ tiếp xúc với da, hãy cởi ngay tất cả quần áo bị nhiễm bẩn và giặt ngay lập tức với nhiều Xà phòng và nước. Làm ướt vùng da bị ảnh hưởng bằng nước chảy trong 10 phút hoặc lâu hơn nếu chất vẫn còn trên da. Chăm sóc y tế ngay lập tức khđ đợc yêu cầu.
Nếu nuốt phải:	Rửa miệng thật kỹ. Không gây nôn trừ khđ đợc trung tâm kiểm soát chất đợc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Tồn thương niêm mạc có thể chống chỉ định sử dụng rửa dạ dày. Không bảo giữ cho bất cứ đđều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Chăm sóc y tế ngay lập tức khđ đợc yêu cầu.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sâu khđ hít phải:	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp. Có thể gây kích ứng cho niêm mạc.
Sâu khđ tiếp xúc với mắt	Nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng cho mắt. Gây viêm nặng và có thể làm hỏng giác mạc. Nguy cơ ảnh hưởng rất nghiêm trọng không thể đảo ngược.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây viêm da.
Nếu nuốt phải:	Có hại nếu nuốt. Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và đđiều trị đđặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyền đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ đợc. Chăm sóc y tế ngay lập tức khđ đợc yêu cầu. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đđựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

5.2 Các nguy cơ đđặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

Chất kích thích. Tránh hít bụi. Không cho phép sản phẩm không phải loăng được xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Trong trường hợp hỏa hoạn và / hoặc nổ không hít khói. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hỏa học.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Trong trường hợp dọn dẹp sâu sự cố tràn, hãy mặc quần áo bảo hộ và thiết bị phù hợp để tránh tiếp xúc với da và mắt và để tránh nuốt phải hoặc hít phải. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Giữ nhãn viên tránh tràn. Tránh tiếp xúc với mắt và da. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Tránh xả các vật liệu không tương thích.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Dọn chỗ đổ. Tránh hình thành bụi. Chuyển đến container thích hợp, có nhãn để xử lý. Vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó đến điểm thụ gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.

6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, and 13) để biết thêm thông tin.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hoá chất

Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Xử lý và container mở với việc chăm sóc. Tránh hình thành bụi. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Tránh hít bụi. Gây tổn thương mắt và tổn thương da. Mặc quần áo bảo hộ hoá chất. Đeo kính bảo hộ hoặc tấm chắn mặt và găng tay cao su khi xử lý sản phẩm này. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra. Rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước sạch khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc sử dụng nhà vệ sinh. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 8 ° C.
Lưu trữ trong thùng chứa bản đầu ở nơi khô mát, không thể tiếp cận với trẻ em và vật nuôi. Giữ kín thùng chứa. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Giữ container kín và tránh xả các hoá chất khác. Không lưu trữ với Các chất hoặc hỗn hợp không tương thích. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

7.3 Sử dụng cụ thể

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Không có giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp được biết đến.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm



8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Mặc quần áo bảo hộ hoá chất. Cởi bỏ và giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.

Bảo vệ mắt/mặt

Mặc: Kính bảo hộ đã được phê duyệt, Mặt khiên.

Bảo vệ tay

Mặc: Găng tay chống hoá chất. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra. Rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước sạch khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc sử dụng nhà vệ sinh.

Thiết bị bảo hộ khác

Sửa khi tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức với nhiều Xà phòng và nước. Mặc quần áo bảo hộ, găng tay và bảo vệ mắt / mặt phù hợp. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.

Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp

Cung cấp hoá chất tắm. Cung cấp trạm rửa mắt. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép rời khỏi nơi làm việc. Tránh ô nhiễm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thù	Viên
Màu sắc	Kem
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	≈ 5 - 7
Điểm nóng chảy	Không có thông tin
Điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi/khoảng sôi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính ôxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không áp dụng được
Nhóm khí	Không áp dụng được
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.2 Tính ổn định hoá học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

10.4 Các điều kiện cần tránh

	Tránh xa nhiệt độ cực đoan. Tránh ẩm.
--	---------------------------------------

10.5 Các vật liệu xung khắc

	Tránh xa các oxit nị tơ.
--	--------------------------

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

	Ôxít carbon.
--	--------------

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

Phần 11. Thông tin độc học**11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái**

Ngộ độc cấp tính	Có hại nếu nuốt phải.
Ăn mòn / kích ứng da	Gây kích ứng da.
Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Gây bỏng nặng. Gây viêm nặng và có thể làm hỏng giác mạc. Nguy cơ có thể có tác dụng không thể đảo ngược.
Nhạy cảm	Có thể gây mẫn cảm khi hít phải và tiếp xúc với da. Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
Biến đổi tế bào gốc	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
Độc tính gây ung thư	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoả Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Được liệt kê bởi Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) dưới dạng Chất nhóm 3: bằng chứng không hỗ trợ chất này là chất gây ung thư ở người, [Polyvinyl pyrrolidone, CAS No. 9003-39-8]. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
Độc tính đối với sinh sản	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít. Có thể gây kích ứng niêm mạc miệng.
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần	Các thành phần có thể gây tổn hại cho các bộ phận cơ thể người dựa trên dữ liệu động vật.
Nguy cơ hô hấp	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Sự xuất hiện chậm trễ của các triệu chứng và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

11.1.2. Hỗn hợp

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

11.1.3. Thông tin nguy hiểm

	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
--	---

11.1.4. Thông tin độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

11.1.5. Nhóm sự cố

	Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.6. Tiêu chí phân loại

	Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
--	---

11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

	Sâu khi tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sâu khi hít phải. Nếu nuốt phải.
--	--

11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

11.1.10. Hiệu ứng tương tác

Không có thông tin.

11.1.11. Thiệu dữ liệu cụ thể

<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.

11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

11.1.13. Thông tin khác

Thảm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Không có thông tin

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tin.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường. Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho hỗn hợp là không có sẵn.

Thông tin khác

Tránh xa hồ, ao, hoặc suối. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia. Không xả nước thải có chứa sản phẩm này vào hệ thống thoát nước. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

Phương pháp xử lý

Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia. Không làm nhiệm vụ rửa bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không được đổ vào cống rãnh; vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó một cách an toàn. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

Xử lý bảo bì

Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này. Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn. Các thùng rỗng có thể được gửi đến bãi rác sạch khi làm sạch, nếu tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia. Có thể được tái chế nếu tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

14.1 SỐ UN

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

14.1 Số UN

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.2 Tên vận chuyển thích hợp

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.3 Hạng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.4 Nhóm đóng gói

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.5 môi trường độc hại

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

<p>Quy định</p> <p>Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:</p>	<p>Thông tư số 04/2012/TT-BCT.</p> <p>- Quốc tế--.</p> <p>Công ước Basel (Chất thải nguy hại): Không áp dụng được.</p> <p>Công ước vũ khí hóa học (OPCW): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Thỏa thuận Mercosur: Áp dụng.</p> <p>Nghị định thư Montreal: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Công ước Rotterdam: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Công ước Stockholm: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>--Asiã và các quốc gia ASEAN--.</p> <p>Danh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Cưng cấp, Phần phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Lệnh kiểm soát ô nhiễm không khí (Nhật bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Lệnh kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Đạo luật đối phó ô nhiễm đất (Nhật bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Lệnh kiểm soát ô nhiễm nước (Nhật bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.</p> <p>Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p>
---	--

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

	<p>Lệnh Hóa chất (Việt Nam): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>--Úc và New Zealand--.</p> <p>Mã hàng nguy hiểm của Úc: Không áp dụng được.</p> <p>Kiểm kê các chất hóa học (AICS) của Úc: Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều thành phần không được liệt kê hoặc không được liệt kê trên kho do quốc gia quản lý.</p> <p>Tồn kho hóa chất New Zealand (NZIoC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.</p> <p>- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.</p> <p>Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Phụ lục XVII cho REACH: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): Không áp dụng được.</p> <p>--Bắc Mỹ--.</p> <p>Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều thành phần không được liệt kê hoặc không được liệt kê trên kho do quốc gia quản lý.</p> <p>Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều thành phần không được liệt kê hoặc không được liệt kê trên kho do quốc gia quản lý.</p> <p>Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Quyền được biết của Pennsylvania: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Lệnh chung về quyền được biết của Rhode Island: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Dự luật 65 của California: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p>
--	--

Phần 16. Các thông tin khác

Các thông tin khác

Phiên bản	Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:. 2 - Hình đồ cảnh báo nguy cơ. 12 - 12.1 Độc tính.
Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn	<p>ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).</p> <p>CAS số: Dịch vụ tóm tắt hóa học.</p> <p>LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hóa chất độc hại 2013 (Malaysia).</p> <p>FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hoa Kỳ.</p> <p>GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu.</p> <p>HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012).</p> <p>IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.</p> <p>ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.</p> <p>IMDG: Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế.</p> <p>LD: Lệnh gây tử vong.</p> <p>OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.</p> <p>OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ.</p> <p>PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.</p> <p>REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hóa chất.</p> <p>STOT: Độc tính của cơ quan đích cụ thể.</p> <p>SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.</p> <p>DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ.</p>

CFC Supplement (2.0L)

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-07-29

Các thông tin khác

<p>Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.</p>	<p>VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. WEL: Giới hạn tiếp xúc nơi làm việc.</p> <hr/> <p>Skin Sens. 1: H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da Resp. Sens. 1: H334 - Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít. Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt. Skin Irrit. 2: H315 - Gây kích ứng da. Eye Dám. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng. STOT SE 3: H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp. STOT RE 2: H373 - Có thể gây thiệt hại cho cơ quan kéo dài hoặc tiếp xúc lặp đi lặp lại . Aquatic Acute 1: H400 - Rất độc hại đối với đời sống thủy sinh.</p>
---	---

Thông tin khác

	<p>TUYÊN BỐ TỪ CHỐI: Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng .</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.</p>
--	---